

NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phùng Tuấn Anh*, Trần Thị Vân Hoa**

Bài viết phân tích năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp Hà Nội. Các tiêu chí được sử dụng trong phân tích là năng suất và khả năng sinh lợi của các doanh nghiệp công nghiệp. Dựa trên nguồn số liệu thống kê liên quan đến doanh nghiệp công nghiệp của Cục Thống kê Hà Nội, tác giả đã tính toán các chỉ tiêu và các hệ số đánh giá năng suất cho các doanh nghiệp công nghiệp Hà Nội. Các số liệu tính toán được so sánh giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau để thấy được thực trạng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp Hà Nội.

Từ khóa: công nghiệp Hà Nội, năng lực cạnh tranh doanh nghiệp

1. Đặt vấn đề

Chiến lược phát triển công nghiệp luôn giữ vai trò trọng yếu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia vì công nghiệp giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế. Đối với Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội là đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa, tạo nền tảng hình thành một nước công nghiệp hiện đại.

Áp lực toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế dần xóa bỏ những bảo hộ và các hàng rào về thương mại và đầu tư, buộc ngành công nghiệp phải lựa chọn con đường duy nhất để tồn tại và phát triển bền vững là tạo nên vị thế cạnh tranh. Sự lớn mạnh của công nghiệp đòi hỏi từng doanh nghiệp cần nỗ lực nâng cao năng lực cạnh tranh của chính bản thân mình.

Trên cơ sở tìm hiểu kinh nghiệm của các nước phát triển về công nghiệp và những điều kiện cụ thể của thành phố Hà Nội, bài viết này đề cập đến một số yếu tố về thực trạng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội và đề xuất một số giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp Hà Nội.

2. Cơ sở lý thuyết về năng lực cạnh tranh

Trừ trước tới nay, khái niệm năng lực cạnh tranh nói chung và năng lực cạnh tranh cấp độ doanh

ng nghiệp nói riêng đã được nhắc đến rất nhiều nhưng đến nay khái niệm này vẫn chưa được hiểu một cách thống nhất. Mặc dù vậy, hầu như tất cả các học giả và giới quản trị đều thừa nhận doanh nghiệp thông thường được mô tả như là cấp độ rõ ràng nhất của khái niệm năng lực cạnh tranh. Vai trò năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp đối với nền kinh tế đã từng được Michael Porter khẳng định rằng “một nền kinh tế có lợi thế cạnh tranh khi và chỉ khi các doanh nghiệp trong nền kinh tế đó có cạnh tranh, bất kể là doanh nghiệp nội địa hay các công ty con của các tập đoàn nước ngoài” (Porter, 2002).

Theo báo cáo nghiên cứu “Năng lực cạnh tranh quốc gia” của Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (2002), năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp được đo bằng khả năng duy trì và mở rộng thị phần, thu lợi nhuận của doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh trong nước và ngoài nước (Viện nghiên cứu Quản lý kinh tế trung ương, 2003, tr. 14).

Có một số quan điểm tiếp cận đến năng lực cạnh tranh ở cấp độ doanh nghiệp như sau:

Cách tiếp cận thứ nhất xem xét năng lực cạnh tranh cấp độ doanh nghiệp về phương diện lợi nhuận. Theo đó, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp là khả năng duy trì và mở rộng thị phần, gia tăng lợi nhuận. Đây là quan niệm khá phổ biến hiện nay khi xem xét năng lực cạnh tranh là khả năng tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ so với các đối thủ và khả

năng “thu lợi” của doanh nghiệp.

Cách tiếp cận thứ hai, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp được xem xét về phương diện khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong ngành. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp là khả năng chống chịu trước sự tấn công của doanh nghiệp khác.

Cách tiếp cận thứ ba xem xét năng lực cạnh tranh dựa trên yếu tố năng suất lao động. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp là năng lực tạo ra năng suất lao động tương đối cao trên cơ sở sử dụng các yếu tố sản xuất có hiệu quả làm cho các DN phát triển bền vững trong điều kiện cạnh tranh quốc tế. Theo Michael Porter, năng suất lao động là thước đo duy nhất về năng lực cạnh tranh (Porter, 1990).

Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp thể hiện thực lực và lợi thế của doanh nghiệp so với đối thủ cạnh tranh trong việc thỏa mãn tốt nhất các đòi hỏi của khách hàng để thu lợi ngày càng cao hơn. Có thể đưa ra khái niệm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp như sau: Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp là khả năng duy trì và nâng cao lợi thế cạnh tranh trong việc tiêu thụ sản phẩm, mở rộng mạng lưới tiêu thụ và sử dụng có hiệu quả các yếu tố sản xuất.

2. Kinh nghiệm của các nước trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp lĩnh vực công nghiệp

2.1. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế đã thúc đẩy sự phát triển, nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp Nhật Bản. Thời điểm trước khi tham gia vào các định chế quốc tế, nền kinh tế Nhật Bản đang trong thời kỳ đầu của CNH. Khi đó chính phủ Nhật Bản đã lên kế hoạch một cách chi tiết để giảm bớt thách thức, đồng thời nỗ lực nắm bắt thời cơ trong quá trình mở cửa và hội nhập. Chính sách phát triển công nghiệp của Nhật Bản là tập trung phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng cạnh tranh tương lai trên thị trường thế giới để điều chỉnh cơ cấu ngành công nghiệp.

Các ngành có lợi thế cạnh tranh trong tương lai được Nhật Bản xác định là những ngành có khả năng tăng nhanh năng suất lao động qua việc dễ tiếp thu công nghệ và nhu cầu tăng khi thu nhập tăng. Với cơ cấu công nghiệp mới, các chính sách hỗ trợ

của Chính phủ qua thuế và tín dụng cũng được soạn thảo nhằm trợ giúp phát triển và hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp theo mục tiêu mong muốn.

Để nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa công nghiệp Nhật Bản, Chính phủ có những chính sách và biện pháp sát nhập các công ty để có qui mô lớn hơn với khả năng cạnh tranh mạnh hơn.

Kết quả sau đó cho thấy, xuất khẩu của Nhật Bản tăng trưởng nhanh chóng. Thành công này được đánh giá là do: Một là, khả năng tổ chức, quản trị sản xuất và nỗ lực của các công ty thuộc lĩnh vực công nghiệp; hai là, chính sách hỗ trợ của Chính phủ. Hàng hóa xuất khẩu của Nhật Bản do các công ty thương mại hàng đầu đảm nhận. Các công ty thương mại kinh doanh tổng hợp, đa dạng hóa hình thức kinh doanh và cơ cấu tổ chức hợp lý. Chính phủ có chính sách hỗ trợ xuất khẩu dưới hai hình thức chủ yếu là miễn giảm thuế cho các công ty xuất khẩu và thành lập các cơ quan xúc tiến xuất khẩu nhằm cung cấp thông tin và những hướng dẫn kịp thời cho doanh nghiệp.

2.2. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Du nhập công nghệ nước ngoài, đầu tư nghiên cứu và làm chủ công nghệ là kinh nghiệm phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp của Hàn Quốc.

Chính sách du nhập công nghệ nước ngoài có hai nội dung cơ bản, một là cố gắng đưa kỹ thuật và công nghệ vào Hàn Quốc bằng các hợp đồng nhập khẩu công nghệ, bằng sáng chế kỹ thuật, tránh đầu tư trực tiếp. Hai là, hạn chế tỷ lệ góp vốn của đối tác nước ngoài dưới 49% nếu phải du nhập công nghệ trực tiếp để hạn chế quyền kiểm soát của đối tác nước ngoài trong doanh nghiệp

Để hoàn chỉnh chính sách du nhập công nghệ nước ngoài, Chính phủ Hàn Quốc đặc biệt chú trọng đào tạo nguồn nhân lực thuộc các doanh nghiệp công nghiệp, cũng như các viện nghiên cứu về lĩnh vực công nghiệp để tiếp thu, học hỏi và phát triển công nghệ. Ngoài ra, đầu tư của Chính phủ vào nghiên cứu và phát triển với mục tiêu là phát triển và hoàn thiện các công nghệ được du nhập từ nước ngoài và thành lập các cơ quan quản lý, các viện nghiên cứu để phổ biến, khai thác và hướng dẫn chuyển giao công nghệ.

2.3. Kinh nghiệm của Thái Lan

Các chính sách thông thoáng và ưu đãi nhằm thu

hút vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp ngành công nghiệp của Thái Lan.

Thái Lan đã sự kết hợp khéo léo giữa mục tiêu CNH và thu hút đầu tư nước ngoài. Chính sách thu hút FDI của Thái Lan rất năng động, liên tục được điều chỉnh để thích nghi với từng thời kỳ phát triển đất nước. Điểm nổi bật của chính sách này là thông thoáng và bộ máy thực hiện rất có hiệu quả.

Thái Lan luôn xác định nước thu hút đầu tư trọng điểm, từ đó, xây dựng các bộ phận chuyên trách riêng biệt cho từng nguồn xuất xứ của nhà đầu tư. Chính sự chuyên môn hóa và tổ chức này đã đáp ứng nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư nước ngoài.

Các bài học kinh nghiệm ở trên cho thấy thành công của các nước trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp dựa trên các yếu tố sau: Mô hình nâng cao năng lực cạnh tranh dựa trên việc áp dụng kỹ năng và công nghệ mới; Mô hình dựa trên nền tảng đầu tư nước ngoài du nhập công nghệ hiện đại, quản lý tiên tiến của nước ngoài trong thời gian đầu và sự đổi mới của quốc gia trong giai đoạn sau nhờ sự hỗ trợ của chính phủ; Mô hình dựa vào các công ty đa quốc gia, tạo lợi thế cạnh tranh nhờ nguồn nhân lực giá thấp và các điều kiện ưu đãi đầu tư.

Việc đẩy mạnh nhanh chóng nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam nói chung và của Hà Nội nói riêng là rất quan trọng. Hà Nội là một trong những tỉnh thành đứng đầu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt, khả năng nâng cao năng lực cạnh tranh sẽ quyết định khả năng đạt được các mục tiêu CNH, HĐH đất nước.

3. Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp Hà Nội

3.1. Chiến lược phát triển ngành công nghiệp của thành phố Hà Nội

Hà Nội đã xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch này đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định 1080/QĐ - TTg ngày 06/7/201. Trong Quy hoạch đã chỉ rõ phải xây dựng Thủ đô thành động lực thúc đẩy phát triển đất nước. Theo Quy hoạch, Hà Nội đặt mục tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2011 - 2015 đạt 12 - 13%/năm, thời kỳ 2016

- 2020 đạt khoảng 11- 12%/năm và khoảng 9,5 - 10%/năm thời kỳ 2021– 2030 (Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội UBND thành phố Hà Nội, 2013).

Để đạt được chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội như trên, chiến lược phát triển ngành công nghiệp của Hà Nội tập trung ưu tiên phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực (SPCNCL), đặc biệt, phát triển nhanh một số sản phẩm mũi nhọn, công nghệ cao có tính dẫn đường (như công nghệ thông tin, vật liệu mới, điện tử, cơ khí chính xác, dụng cụ y tế, dược và hoá mỹ phẩm, công nghệ sinh học...). Nghiên cứu phát triển sản xuất công nghiệp sạch, bền vững, hạn chế dần các ngành sản xuất hiệu quả thấp, sử dụng nhiều lao động và gây ô nhiễm (dệt may, hoá chất, phân bón). Quy hoạch phát triển công nghiệp theo hướng tập trung quy mô, cải tạo một số khu công nghiệp cũ và kiên quyết đưa các cơ sở ô nhiễm ra khỏi nội thành. Sản xuất công nghiệp hướng vào hai thị trường, lấy thị trường trong nước làm bàn đạp để vươn ra thị trường thế giới. Kết hợp giữa chuyển dịch cơ cấu nội ngành với thúc đẩy ra đời ngành công nghiệp hỗ trợ (CNHT).

3.2. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghiệp thành phố Hà Nội giai đoạn 2008 – 2013

Với quá trình hơn 60 năm trưởng thành và phát triển, đặc biệt là sau gần 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, ngành công nghiệp Việt Nam đã có tương đối đầy đủ các phân ngành cơ bản cần thiết cho yêu cầu phát triển một nền kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, đã và đang đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của nền kinh tế, tham gia tích cực vào việc trao đổi hàng hoá, dịch vụ với các thị trường trong khu vực và trên thế giới.

Tuy nhiên, nếu so sánh với các nước trong khu vực, khả năng cạnh tranh tổng thể của ngành công nghiệp nước ta còn yếu, thể hiện trên một số mặt chủ yếu quyết định năng lực cạnh tranh như năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, trình độ khoa học công nghệ, năng lực quản lý... đều còn hạn chế.

Xét về quy mô, phần lớn doanh nghiệp còn nhỏ bé, công nghệ còn lạc hậu so với trình độ trung bình của thế giới, lại thiếu vốn đầu tư cho phát triển, bộ máy và cơ chế quản lý còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc... nên năng suất lao động thấp, chủng loại sản phẩm chưa phong phú, đa dạng, thiếu tính độc đáo

Bảng 1: Số doanh nghiệp công nghiệp địa bàn Hà Nội từ năm 2005 – 2012*Đơn vị tính: doanh nghiệp*

Năm	2005	2008	2010	2011	2012
Tổng số cơ sở sản xuất	83.479	100.336	99.637	93.195	94.682
Phân theo thành phần kinh tế					
Nhà nước Trung ương	137	99	99	84	84
Nhà nước địa phương	67	45	41	38	39
Kinh tế ngoài Nhà nước	83.063	99.867	99.145	92.677	94.150
Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	212	325	352	396	409

(Nguồn: Cục thống kê Hà Nội, Niên giám thống kê Hà Nội 2012, tr. 103)

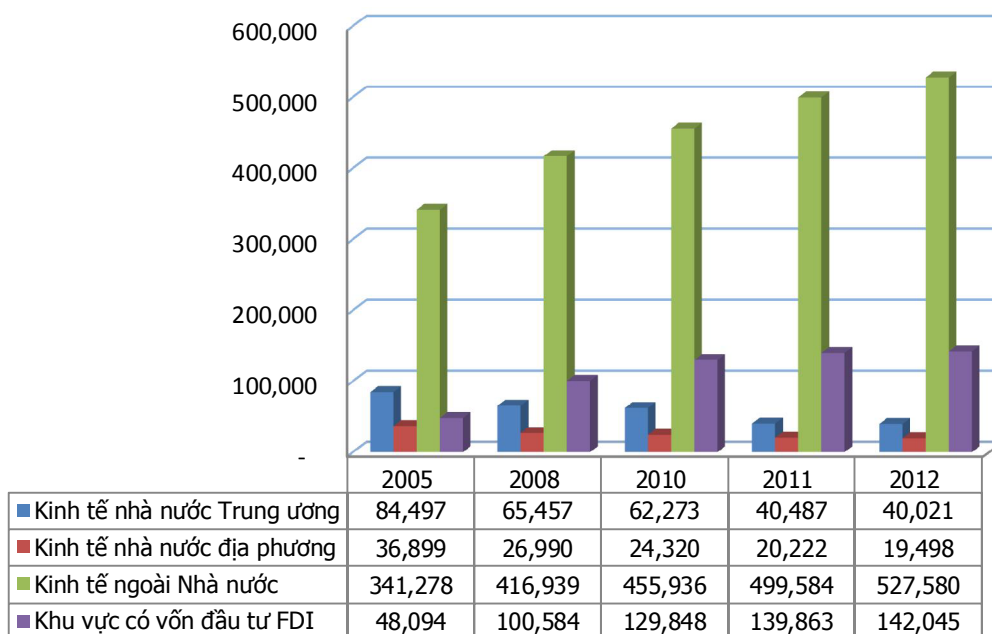
hoặc tính duy nhất trên thị trường, chi phí sản xuất cao... dẫn đến năng lực cạnh tranh còn hạn chế.

Doanh nghiệp công nghiệp Hà Nội giai đoạn 2008 -2013: Sự thoái trào của thị trường bất động sản cùng với sự suy giảm của thị trường tài chính đã tác động ảnh hưởng đến lĩnh vực công nghiệp, sản lượng tiêu thụ sụt giảm và kéo dài trong giai đoạn suy thoái kinh tế đã khiến cho một số lĩnh vực công nghiệp số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp sụt giảm mạnh, thể hiện rõ nhất là giai đoạn 2010 - 2011.

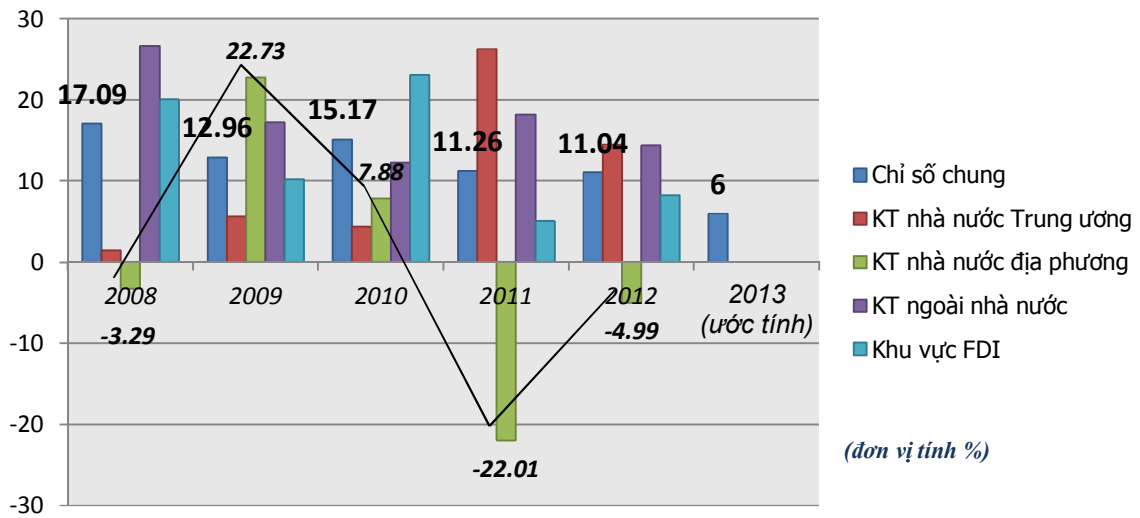
Một số lĩnh vực công nghiệp có tỷ lệ số doanh nghiệp giảm nhiều giai đoạn 2010-2011 là: số doanh

ng nghiệp dệt giảm 22,3% (từ 7.862 xuống còn 6.106 doanh nghiệp); số doanh nghiệp sản xuất lĩnh vực kim loại giảm 12,2% (từ 377 xuống còn 331 doanh nghiệp); số doanh nghiệp sản xuất giường tủ bàn, ghế giảm 2010 – 2011 giảm 9,5% (từ 10.973 xuống còn 9.931 cơ sở); số doanh nghiệp sản xuất chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ giảm 6% (từ 32.721 xuống 30.780 doanh nghiệp).

Ở khía cạnh lao động công nghiệp lại cho thấy, mặc dù gặp khó khăn về thị trường đầu ra, ảnh hưởng từ các biến động vĩ mô, nhưng số lao động trong lĩnh vực công nghiệp theo thống kê của cục thống kê Hà Nội nhìn chung vẫn tăng đều qua các

Hình 1: Lao động công nghiệp địa bàn Hà Nội từ năm 2005 - 2012*(Nguồn: Cục thống kê Hà Nội, Niên giám thống kê Hà Nội, 2012, tr. 125)*

Hình 2: Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp thành phố Hà Nội theo các khu vực kinh tế giai đoạn 2008 – 2012 (tính theo giá so sánh 1994)



(Nguồn: Cục thống kê Hà Nội, Niên giám thống kê Hà Nội, 2012, tr. 146)

năm, duy chỉ có cơ cấu giữa các khu vực kinh tế thay đổi. Số lao động công nghiệp giảm ở khu vực kinh tế nhà nước trung ương (từ 84.497 người năm 2008 xuống 40.021 người năm 2012) và khu vực kinh tế nhà nước địa phương (từ 26.990 người năm 2008 xuống 19.498 người năm 2012). Trong khi đó khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng (từ 100.584 người năm 2008 lên 142.045 người năm 2012) và khu vực kinh tế ngoài nhà nước cũng tăng lên khá cao (từ 416.939 người năm 2008 lên 527.580 người năm 2012).

Cũng trong thời kỳ 2008-2012, so sánh về chỉ số sản xuất công nghiệp qua các năm các doanh nghiệp công nghiệp thuộc các khu vực kinh tế khác nhau ta

thấy chỉ số phát triển công nghiệp chung của thành phố Hà Nội sụt giảm nhất trong giai đoạn 2010-2011.

Nhìn vào biểu đồ trên có thể thấy giai đoạn 2010-2011, trong khi doanh nghiệp công nghiệp Hà Nội khu vực kinh tế nhà nước trung ương có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng rõ rệt, thì ngược lại khu vực kinh tế nhà nước địa phương lại sụt giảm nghiêm trọng. Doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, chỉ số sản xuất công nghiệp vẫn duy trì được tốc độ tăng khá.

Tính toán năng suất lao động của các doanh nghiệp công nghiệp Hà Nội thuộc các thành phần

Bảng 2: Phân tích năng suất lao động công nghiệp Hà Nội 2008 - 2012

Đơn vị tính: tỷ đồng/lao động

Phân theo khu vực kinh tế	2008	2009	2010	2011	2012	2008-2012 (%)
Kinh tế Nhà nước TW	0.2348	0.2524	0.2798	0.5434	0.6299	27.98 %
Kinh tế Nhà nước địa phương	0.1797	0.2360	0.2640	0.2476	0.2440	7.95%
Kinh tế ngoài Nhà nước	0.0664	0.0748	0.0800	0.0863	0.0936	8.93%
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	0.3597	0.3479	0.3780	0.3689	0.3932	2.25%

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu niên giám thống kê Hà Nội 2012, theo giá so sánh 1994, tr. 103, 154

kinh tế khác nhau dựa trên giá trị sản xuất công nghiệp và số lượng lao động công nghiệp qua các năm ta có bảng 2.

Kết hợp phân tích bảng 1, bảng 2 ta có nhận xét: Các doanh nghiệp công nghiệp nhà nước trung ương giai đoạn 2008-2010 sau khi cắt giảm số lao động, nâng cao hiệu sản xuất kinh doanh, năng suất bình quân lao động đã tăng lên trung bình gần 28%/năm; Các doanh nghiệp công nghiệp Nhà nước địa phương có năng suất lao động bình quân sụt giảm, mặc dù số lao động đã cắt giảm rõ rệt từ 65,457 (2008) xuống 40,021 người (2012). Điều đó phản ánh nỗ lực cải tổ và tái cơ cấu khu vực này không đem lại hiệu quả như mong muốn. Trong khi đó, khu vực kinh tế công nghiệp ngoài nhà nước thể hiện năng suất lao động tăng đều qua các năm, điều đó phần nào nói lên việc cải tiến và áp dụng công nghệ mới đã tác động tốt đến hiệu quả sản xuất của khu vực kinh tế tư nhân. Khu vực kinh tế công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với năng suất lao động bình quân có giá trị tuyệt đối cao hơn với 2 khu vực trên từ 2 cho đến 5 lần. Điều đó cho thấy trình độ lao động, dây chuyền công nghệ, trình độ quản lý tốt đã đem lại hiệu quả sản xuất cao cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, giai đoạn 2008– 2012, khu vực kinh tế công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vừa tăng số nhân công lao động (416 ngàn lên 527 ngàn người) vừa tăng được năng suất lao động. Điều này thể hiện kinh nghiệm và trình độ sản xuất của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hiệu quả hơn các khu vực khác.

Giai đoạn 2008-2012 là giai đoạn suy giảm kinh tế, các doanh nghiệp phải đối mặt với rất nhiều khó khăn như hàng tồn kho lớn, sức mua giảm, thị trường nội địa bị co hẹp. Những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài do có thị trường xuất khẩu ổn định, nên vẫn giữ được đà tăng trưởng. Điều đó cho thấy, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp bằng mở rộng thị trường xuất khẩu là một trong những yếu tố quan trọng đối với các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp công nghiệp Hà Nội nói riêng.

4. Các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp Hà Nội

Trước bối cảnh tình hình kinh tế còn khó khăn và diễn biến phức tạp, việc mở cửa nền kinh tế gia nhập WTO là cần thiết những cũng tạo nên áp lực cạnh

tranh lớn trên thị trường nội địa. Vì vậy, việc nâng cao năng lực cạnh tranh đối với doanh nghiệp công nghiệp là rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế chung của thành phố Hà Nội trong giai đoạn hiện nay. Chính quyền thành phố những năm qua cũng đã rất chú trọng việc hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp qua các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ, chương trình chuyển giao công nghệ mới để thúc đẩy năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp.

Bên cạnh sự hỗ trợ của chính quyền thành phố, các doanh nghiệp công nghiệp cũng rất cần cải tổ lại tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại - xuất khẩu, áp dụng công nghệ mới và hạ giá thành sản xuất. Một số giải pháp chính cần tập trung triển khai là:

- Nâng cao năng lực quản lý, năng lực thương mại và pháp lý trong quá trình tham gia thị trường quốc tế và khu vực. Công tác này nhằm kiện toàn đội ngũ lãnh đạo quản lý của doanh nghiệp, nâng tầm trình độ của đội ngũ kinh doanh có khả năng giao thương và mở rộng thị trường hướng tới các nước trong khu vực và trên thế giới;

- Từng bước áp dụng khoa học công nghệ vào các sản phẩm công nghiệp nâng cao tính cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp có tiềm năng trên thị trường. Các doanh nghiệp cần có lộ trình nâng cấp, cập nhật công nghệ một cách hợp lý nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí giá thành trên từng đơn vị sản phẩm;

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp. Các doanh nghiệp công nghiệp cần phối hợp với các trường đào tạo đại học và trường nghề Hà Nội trong việc định hướng thị trường đầu ra cho lao động công nghiệp và tận dụng các thế mạnh của các bên trong việc đào tạo đội ngũ nhân lực lao động công nghiệp. Để có thể phát triển đột phá, có bước tiến vững chắc về lâu về dài, Hà Nội rất cần phát triển đội ngũ kỹ sư, đội ngũ nghiên cứu chế tạo có chuyên môn cao cho ngành công nghiệp. Công tác đào tạo của nhà trường rất cần cập nhật với các trang bị, hệ thống sản xuất đang triển khai tại các doanh nghiệp. Vì vậy, việc gắn kết giữa trường và doanh nghiệp rất hiệu quả trong việc tạo nguồn lao động công nghiệp có chất lượng cao sau này □

Tài liệu tham khảo:

Cục thống kê Hà Nội (2013), *Niên giám thống kê Hà Nội 2012*, Cục thống kê Hà Nội.

Porter, Michael (1990), *The Competitive Advantage of Nations*, London.

Porter, Michael (2002), *Enhancing the Microeconomic Foundations of Prosperity: The Current Competitiveness Index*, Cambridge.

Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội UBND thành phố Hà Nội (2013), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Kinh tế Hà Nội trong thời kỳ kinh tế thế giới suy thoái”*.

Viện nghiên cứu Quản lý kinh tế trung ương (2003), *Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội.

Competitiveness of industrial enterprises in Hanoi

Abstract:

This article analyzes the competitiveness of industrial enterprises in Hanoi. The criteria used in the analysis of productivity and profitability of industrial enterprises. Based on statistical data resources related to industrial enterprises of Hanoi Statistics Department, the authors calculate these measures and ratios to evaluate the productivity of industrial enterprises in Hanoi. The calculated data were compared between enterprises of different economic sectors to see reality competitiveness of industrial enterprises in Hanoi.

Thông tin tác giả:

***Phùng Tuấn Anh**, thạc sỹ Quản trị kinh doanh

- Tổ chức công tác: Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế công nghiệp; Bất động sản; Quản trị doanh nghiệp

Email: phungtuuananh@gmail.com

****Trần Thị Vân Hoa**, Phó giáo sư, tiến sĩ

- Tổ chức công tác: Viện Quản trị kinh doanh, trường đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh, chiến lược kinh doanh, năng lực cạnh tranh

Email: hoalinh@yahoo.com